

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2023

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Yên Mô
Chương: 423

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp			
01	Doanh thu (01=02+03+04)	37.328.800.785	37.328.800.785	
02	a. Từ NSNN cấp	37.328.800.785	37.328.800.785	
03	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
04	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại			
05	Chi phí (05=06+07+08)	36.536.465.390	36.536.465.390	
06	a. Chi phí hoạt động	36.536.465.390	36.536.465.390	
07	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
08	c. Chi phí hoạt động thu phí			
09	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	792.335.395	792.335.395	
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
10	Doanh thu	29.674.995.877	29.674.995.877	
11	Chi phí	26.486.532.350	26.486.532.350	
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	3.188.463.527	3.188.463.527	
	Hoạt động tài chính			
20	Doanh thu	14.037.300	14.037.300	
21	Chi phí	1.375.368	1.375.368	
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	12.661.932	12.661.932	
	Hoạt động khác			
30	Thu nhập khác	23.427.433	23.427.433	
31	Chi phí khác			
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	23.427.433	23.427.433	

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
40	Chi phí thuế TNDN	16.247.386	16.247.386	
41	Các khoản phải nộp NSNN khác			
50	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	4.000.640.901	4.000.640.901	
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính			
52	Phân phối cho các quỹ	3.418.984.013	3.418.984.013	
53	Kinh phí cải cách tiền lương	3.022.997.433	3.022.997.433	